

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày 09 tháng 01 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;
Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hòa;
Bà Bạch Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quang Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2025, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 530/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 813/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Nơi thường trú: Thôn E, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn X Tòa R, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Tự do; Học phổ thông: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đoàn H1 và con bà Tô Thị C; Gia đình bị cáo có ba anh em, bị cáo thứ hai; Chồng Ruy Chan S, sinh năm 1966 (sinh sống tại Hàn Quốc); Bị cáo có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; Nơi thường trú và nơi ở: Xóm Đ, thôn H, xã H, huyện T, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Tự do; Học phổ thông: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hữu S1 và con bà Quách Thị T1; Gia đình bị cáo có hai chị em, bị cáo thứ nhất; Chồng Lê Văn C1, sinh năm 1967 (đã ly hôn); Bị cáo có 05 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2016/HSST ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân quận L, Thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái

phép chất ma túy”; sau khi xét xử bị cáo kháng cáo và tại Bản án hình sự phúc thẩm số 919/2016/HSPT ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị tạm giữ ngày 08/4/2015 đến ngày 17/4/2015. Bị cáo được hoãn chấp hành hình phạt tù.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Ông Nguyễn Quốc B**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Xóm K, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

2. **Ông Trần Thanh T2**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ E thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

3. **Ông Trần Minh T3**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

4. **Ông Phan Trung Bảo N**, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số H D, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

5. **Bà Phạm Thị V**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

6. **Bà Phạm Thị T4**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

7. **Bà Hoàng Thị Ngọc B1**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số H D, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/12/2023, Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế N3 tiếp nhận 03 công dân Việt Nam gồm: Trần Thanh T2, Trần Minh T3 và Phan Trung Bảo N bị phía Jeju - Hàn Quốc từ chối nhập cảnh và buộc quay về Việt Nam. Tại Cơ quan Công an, Trần Thanh T2, Phan Trung Bảo N và Trần Minh T3 khai được các đối tượng gồm Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H tổ chức cho xuất cảnh đi đảo Jeju - Hàn Quốc ngày 29/11/2023 theo lộ trình: Hà Nội - S2 - Jeju Korea như sau:

Trần Thanh T2 đã từng lao động bất hợp pháp tại Hàn Quốc và bị trục xuất nhưng vẫn muốn sang Hàn Quốc để lao động. Trần Minh T3 và Phan Trung Bảo N cũng có nguyện vọng sang Hàn Quốc để lao động nên nhờ T2 tìm người đưa đi. Do có quen biết với bị cáo Nguyễn Thị T (tên gọi khác là H2) nên T2 nhờ bị cáo T giúp. Bị cáo T liên hệ với bị cáo Nguyễn Thị H (tên thường gọi là P) và

được bị cáo H cho biết có thể đưa 03 người này đi Hàn Quốc bằng hình thức du lịch đảo Jeju - Hàn Quốc không cần xin visa. Sau khi khách nhập cảnh vào đảo Jeju sẽ thuê tàu cá đưa khách vào đất liền Hàn Quốc. Bị cáo T và bị cáo H thống nhất thu của khách 350 triệu đồng/01 người, cụ thể: đặt cọc 50 triệu đồng tiền vé máy bay, trước khi bay phải thanh toán 100 triệu đồng, số tiền còn lại 200 triệu đồng khi nào khách nhập cảnh vào đất liền Hàn Quốc sẽ phải thanh toán hết cho bị cáo H. Bị cáo H sẽ cho bị cáo T 15 triệu đồng/01 người.

Để đưa 03 khách xuất cảnh sang đảo Jeju -Hàn Quốc, bị cáo H liên hệ với Nguyễn Quốc B thông qua tài khoản zalo “Bình Minh” để nhờ dẫn 03 khách trên từ Việt Nam sang Jeju - Hàn Quốc để du lịch. Bị cáo H nhờ B làm các thủ tục: đặt vé máy bay khứ hồi đi Jeju - Hàn Quốc, đặt phòng khách sạn ở đảo Jeju - Hàn Quốc. Bị cáo H sẽ trả tiền cho chi phí trên và trả công đưa khách đi cho B là 03 triệu won (tương đương khoảng gần 60 triệu đồng)/01 khách; Bị cáo H cam kết với B các khách này đi đảo Jeju - Hàn Quốc du lịch sẽ không trôn ở lại lao động.

Sau khi thống nhất với bị cáo H, bị cáo T thông báo cho T2, T3, N biết chi phí để sang Hàn Quốc là 350 triệu đồng, đặt cọc trước 50 triệu đồng tiền vé máy bay. Bị cáo T yêu cầu T2, T3 và N gửi ảnh chụp hộ chiếu cùng các giấy tờ gồm Căn cước công dân, bảo hiểm y tế... vào tài khoản zalo “Thanh Hương” được đăng ký bằng số điện thoại 0982794222 để bị cáo T chuyển cho bị cáo H làm thủ tục .

Chị Phạm Thị V (vợ T2) chuyển khoản cho T 200 triệu đồng vào tài khoản số 0368565656 mở tại Ngân hàng M mang tên Nguyễn Hữu N1. Chị Phạm Thị T4 (vợ T3) nhờ chị V chuyển khoản 50 triệu đồng vào tài khoản số 0368565656 mở tại Ngân hàng M mang tên Nguyễn Hữu N1 và chuyển khoản 100 triệu đồng vào từ tài khoản số 4005205307346 mở tại Ngân hàng A mang tên Phạm T4 vào tài khoản số 19035168095014 mở tại Ngân hàng T5 mang tên Nguyễn Thị T. Chị Hoàng Thị Bích N2 (mẹ của Phan Trung Bảo N) chuyển khoản 50 triệu đồng từ tài khoản số 5511635544 mở tại Ngân hàng B2 của Hoàng Thị Bích N2 vào tài khoản số 19035168095014 mở tại Ngân hàng T5 mang tên Nguyễn Thị T, chị N2 nhờ chị V nộp 100 triệu đồng bằng tiền mặt vào tài khoản số 0368565656 mở tại Ngân hàng M mang tên Nguyễn Hữu N1. Sau khi nhận tiền, bị cáo T đã chuyển khoản cho H tổng số tiền là 520 triệu đồng vào tài khoản số 102978329 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Thị H. Sau đó, bị cáo H đã chuyển khoản 333 triệu đồng vào tài khoản số 0920135889999 mở tại Ngân hàng M mang tên

Nguyễn Quốc B để mua vé máy bay, đặt phòng khách sạn ở đảo Jeju và đặt cọc chống trốn.

Sáng ngày 28/11/2023, bị cáo T đưa T2, T3 và N đến nhà riêng gặp bị cáo H để trao đổi cụ thể về việc xuất cảnh đi đảo Jeju. Tại đây, bị cáo H cho bị cáo T và 03 khách biết: Bị cáo H lấy chồng Hàn Quốc và cam đoan có thể đưa 03 khách vào Hàn Quốc; thời gian bay là tối ngày 28/11/2024, rạng sáng ngày 29/11/2024; lịch trình bay: N - T (Trung Quốc) - Jeju (Hàn Quốc); tổng chi phí là 350 triệu đồng/01 người. H sẽ thuê người đưa, hỗ trợ 03 khách nhập cảnh vào J - Hàn Quốc và thuê tàu đưa 03 khách vào đất liền Hàn Quốc. Tối ngày 28/11/2023, bị cáo T đưa T2, T3 và N lên sân bay gặp bị cáo H và Nguyễn Quốc B. Bị cáo B đưa vé máy bay, thông tin khách sạn và 01 tờ giấy tiếng Anh là Giấy bảo lãnh. B dẫn đến sân bay J làm thủ tục nhập cảnh nếu hải quan Hàn Quốc hỏi thì cứ xuất trình giấy này ra. Khi đến sân bay J, B làm thủ tục và được nhập cảnh vào Jeju còn T2, T3 và N bị từ chối nhập cảnh, buộc quay về Việt Nam.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra. Sau khi khách bị từ chối nhập cảnh, bị cáo H đã chuyển khoản tiền cho bị cáo T để T chuyển trả cho khách; các bị cáo H và T chưa được hưởng lợi gì. Về số tiền thu của khách, bị cáo H khai chỉ thỏa thuận với bị cáo Thanh thu số tiền là 235 triệu đồng/01 khách. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo Nguyễn Thị T, lời khai của T2, T3, N và Phạm Thị V cũng như các tài liệu chứng cứ thu thập được đủ căn cứ xác định bị cáo H và bị cáo T thu 350 triệu đồng/01 khách.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của:

- Bị cáo Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng gold (đã qua sử dụng); kèm theo điện thoại có 01 thẻ SIM (đã qua sử dụng), trên thẻ SIM có dãy số 8984048000014615525;

- Trần Thanh T2, Phan Trung Bảo N và Trần Minh T3 03 Hộ chiếu và 01 điện thoại di động Oppo màu đen.

Ngày 14/05/2024, Cơ quan An ninh điều tra - Công an Thành phố H đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 892/QĐ-ANĐT-Đ2 về việc giám định kỹ thuật số điện tử đối với các điện thoại thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị H và Trần Minh T3, kết quả không có thông tin, tài liệu liên quan đến vụ án.

Cáo trạng số: 488/CT-VKSHN-P1 ngày 20/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị T về tội

“Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 349; Điều 65; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 15 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 349; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 18 đến 20 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 08 năm tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 919/2016/HSPT ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 năm 06 tháng đến 09 năm 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời hạn tạm giữ ngày 08/4/2015 đến ngày 17/4/2015 (tại Bản án hình sự phúc thẩm số 919/2016/HSPT ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội).

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Nguyễn Thị T trình bày: Không có ý kiến về tội danh và điều luật áp dụng. Các bị cáo nhận tội, thừa nhận hành vi như cáo trạng, luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận mà xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Trong tháng 11/2023, vì động cơ vụ lợi, các bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị H có hành vi tổ chức cho Trần Thanh T2, Trần Minh T3 và Phan Trung Bảo N trốn đi Hàn Quốc nhằm mục đích ở lại lao động bất hợp pháp thông qua hình thức đi du lịch đảo Jeju sau đó trốn vào đất liền. Khi Trần Thanh T2, Trần Minh T3 và Phan Trung Bảo N xuất cảnh đến đảo Jeju- Hàn Quốc thì bị từ chối nhập cảnh buộc quay lại Việt Nam.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị T đã phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập, cảnh gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trong nước cũng như tại quốc gia có người nhập cư trái phép. Các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ việc tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép vào một quốc gia là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do vậy cần có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi của các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T có 01 tiền án nhưng không lấy đó làm bài học để tự tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người khởi xướng trong vụ án. Do vậy, cần có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi khách hàng bị từ chối nhập cảnh, các bị cáo đã chuyển trả tiền cho khách hàng và không được hưởng lợi. Bị cáo T có nhiều thành tích trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy và được khen thưởng. Gia đình bị cáo H có công với cách mạng. Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Nguyễn Thị H không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên xử cho bị cáo được hưởng án treo vẫn đảm bảo giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền với các bị cáo không khả thi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Vật chứng: Điện thoại di động thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị H liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Quốc B hướng dẫn 03 khách làm thủ tục xuất cảnh đi Jeju để du lịch, không biết mục đích số khách trên trốn ở lại Hàn Quốc lao động bất hợp pháp, không trao đổi nội dung liên quan đến việc xuất cảnh trái phép. Sau khi H đã chuyển khoản 333 triệu đồng, B đã chi phí để đặt vé máy bay, đặt phòng khách sạn, tiền ăn hết 103 triệu đồng còn lại 200 triệu, B đã chuyển trả cho H. B hưởng lợi số tiền 40 triệu đồng từ việc nâng phí đặt vé máy bay và đặt phòng khách sạn. Do chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với Nguyễn Quốc B nên Cơ quan điều tra ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến Nguyễn Quốc B để điều tra làm rõ sau là phù hợp.

Đối với 03 Hộ chiếu của Trần Thanh T2, Trần Minh T3, Phan Trung Bảo N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen (đã qua sử dụng) của Trần Minh T3, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp.

[6] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị T phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 349; Điều 65; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Nguyễn Thị H 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 349; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo:

Nguyễn Thị T 18 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 08 năm tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 919/2016/HSPT ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời hạn tạm giữ ngày 08/4/2015 đến ngày 17/4/2015 (tại Bản án hình sự phúc thẩm số 919/2016/HSPT ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội).

II. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu đen, mặt sau đã bị vỡ kính, kèm 01 sim, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị H.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/9/2024 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H và Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

2. Án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án và VKS Cấp cao tại Hà Nội;
- VKS và Cục THADS TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Đ, huyện Đ ;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phong